

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/DS-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Lê Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hà Trọng Khá và bà Võ Thị Hồng Trà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2013/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2013, về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/QĐXX-ST ngày 18/5/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm: 1964; Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim M, sinh năm: 1976; Địa chỉ: khu phố N6, phường C, thành phố T, Phú Yên.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Phan Thanh H, sinh năm: 1975; Địa chỉ: khu phố N6, phường C, thành phố T, Phú Yên.

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1988; Địa chỉ: thôn P, xã H2, huyện T, Phú Yên.

Các đương sự đều vắng mặt (Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2013 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày:

Ngày 12/01/2010, giữa bà Hồ Thị Thanh S và bà Huỳnh Thị Kim M có ký hợp đồng trả góp mua xe máy; theo đó bà M mua của nguyên đơn 01 chiếc xe máy hiệu Fondars, số máy 364812, số khung 000812; còn nợ lại số tiền 19.040.000 đồng, trả góp trong vòng 18 tháng; người bảo lãnh cho bà M là ông Phan Thanh H. Đến nay, bà M chưa trả được khoản nào nên bà S khởi kiện yêu cầu bà M, ông H phải trả số tiền gốc còn nợ là 19.040.000 đồng và lãi 1,125% từ ngày nợ 12/01/2010 cho đến khi trả nợ xong. Sau khi trả nợ xong thì bà S và bà Nguyễn Thị B (người đứng tên xe theo chỉ định của bà S) sẽ ký giấy bán xe qua cho bà M. Bà S yêu cầu Tòa giải quyết vắng mặt bà cho đến khi có bản án.

\* Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ năm 2009 đến nay. Bà được bà Hồ Thị Thanh S và khách hàng mua xe ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, chứ bà không phải là chủ sở hữu đối với xe này. Khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì bà sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang tên xe cho khách. Bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S và đề nghị Tòa giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

\* *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 305, 428, 429, 438, 476 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng mua bán xe và lãi suất theo mức 1,125%/tháng từ ngày nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3

Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị Kim M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán xe máy: Ngày 12/01/2010, giữa nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bị đơn bà Huỳnh Thị Kim M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh H có ký kết Hợp đồng trả góp mua xe máy, theo đó bà M mua của nguyên đơn 01 chiếc xe gắn máy hiệu Fondars, số máy 364812, số khung 000812; còn nợ lại số tiền 19.040.000 đồng, trả góp trong vòng 18 tháng; người bảo lãnh cho bà M là ông Phan Thanh H.

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/10/2016 của Công an thành phố Tuy Hòa cung cấp: Xe có số máy là 364812, số khung 000812, có biển số 78P1-3990, do bà Nguyễn Thị B đứng tên chủ xe. Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị B xác nhận mình là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn, khách hàng ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng mua bán; nên tại thời điểm mua bán, xe thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Hợp đồng giữa bà Hồ Thị Thanh S, bà Huỳnh Thị Kim M và ông Phan Thanh H được lập đúng hình thức, nội dung không trái luật, các bên cùng ký xác nhận; do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 12/01/2010 (bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, thể hiện: bà M có mua của bà S 01 chiếc xe gắn máy hiệu Fondars, số máy 364812, số khung 000812; còn nợ lại số tiền 19.040.000 đồng, trả góp trong vòng 18 tháng. Theo trình bày của bà S, từ đó đến nay bà M chưa trả cho bà S được khoản nào. Bà M đã được triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa và không cung cấp được các chứng cứ thể hiện đã trả nợ. Xét thấy: Theo nội dung hợp đồng mua bán ngày 12/01/2010 thì bị đơn còn nợ lại số tiền mua xe máy là 19.040.000 đồng và đến nay chưa trả cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 19.040.000 đồng còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Căn cứ Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 12/01/2010, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại theo mức không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (lãi cơ bản theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là

1,125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong là phù hợp nên chấp nhận.

Tiền lãi từ ngày 12/01/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 29/6/2020 là 10 năm 05 tháng 17 ngày x 19.040.000 đồng x 1,125%/tháng = 26.896.380 đồng.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là 45.936.380 đồng.

[5] Xét nghĩa vụ bảo lãnh của ông Phan Thanh H: Theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 12/01/2010, ông H ký tên tại mục người bảo lãnh, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 3 của hợp đồng nên phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh đối với ông H. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn khi bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ.

[6] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu đối với xe mô tô biển số 78P1-3990 thì bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị B phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 361, 363, 428, 429, 431, 432, 438, 439 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Kim M phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S số tiền mua xe máy còn nợ tính đến ngày 29/6/2020 tổng cộng là 45.936.380 đồng (*Bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm tám mươi đồng*); trong đó: tiền nợ gốc là 19.040.000 đồng, tiền lãi là 26.896.380 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu người bảo lãnh là ông Phan Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bị đơn số nợ còn lại.

Sau khi bị đơn trả hết nợ và có yêu cầu sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78P1-3990 thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và bà Nguyễn Thị B phải có trách

nhiệm làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn theo quy định pháp luật. Bị đơn chịu lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 như thỏa thuận trong hợp đồng.

**Về án phí:** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Kim M phải chịu 2.297.000 đồng (*Hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 674.135 đồng (*Sáu trăm bảy mươi bốn nghìn một trăm ba mươi lăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 10386 ngày 08/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Lê Mai**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hà Trọng Khá**

**Võ Thị Hồng Trà**

**Trần Lê Mai**

